

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2014

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005; Pháp lệnh số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam bao gồm: Góp vốn đầu tư; mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ và bằng đồng Việt Nam; chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài; chuyển vốn đầu tư cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng với các đối tượng sau:

1. Người cư trú là doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;
2. Người không cư trú tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh tại Việt Nam;
3. Người không cư trú là nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;
4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Nhà đầu tư nước ngoài” bao gồm: Người không cư trú là tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam dưới các hình thức đầu tư trực tiếp theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư.
2. “Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài” là doanh nghiệp do nhà đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn để thành lập, quản lý doanh nghiệp và thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
3. “Ngân hàng được phép” bao gồm ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật,
4. “Tổ chức tín dụng được phép” bao gồm ngân hàng được phép, tổ chức tín dụng phi ngân hàng được kinh doanh và cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật.
5. “Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp” là tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam do doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh mở tại một ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư này.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và Thông tư này.
2. Việc góp vốn đầu tư bằng tiền của nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phải được thực hiện thông qua hình thức chuyên khoản vào tài khoản vốn đầu tư trực tiếp.

3. Việc sử dụng lợi nhuận được chia của nhà đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam phải đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

4. Việc chuyển nhượng vốn đầu tư trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, văn bản hướng dẫn các Luật này, các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Việc chuyển tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư phải đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật có liên quan.

6. Nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng các nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam hoặc bằng ngoại tệ từ hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện hoạt động tái đầu tư tại Việt Nam.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Góp vốn đầu tư

1. Nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được thực hiện góp vốn đầu tư bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam theo mức vốn đầu tư tại Giấy chứng nhận đầu tư,

2. Người cư trú là nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được góp vốn đầu tư bằng nguồn ngoại tệ tự có hợp pháp.

Điều 6. Mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ và bằng đồng Việt Nam

1. Để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ, bằng đồng Việt Nam tại 01 (một) ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch thu, chi quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng loại ngoại tệ lựa chọn để thực hiện góp vốn đầu tư.

Tương ứng với loại ngoại tệ lựa chọn để thực hiện góp vốn đầu tư, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh chỉ được mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng loại ngoại tệ đó để thực hiện góp vốn đầu tư.

3. Trường hợp thực hiện các khoản vay nước ngoài mà đồng tiền đi vay không tương ứng với đồng tiền mà doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sử dụng để mở tài khoản vốn đầu

tư trực tiếp, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được mở thêm tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng loại đồng tiền đi vay tại ngân hàng được phép nơi đã mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp để thực hiện các giao dịch thu chi hợp pháp liên quan đến khoản vay nước ngoài và các giao dịch thu chi quy định tại Điều 7 Thông tư này.

4. Trường hợp có nhu cầu mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp tại một ngân hàng được phép khác, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở, chuyển toàn bộ số dư trên tài khoản này sang tài khoản mới. Thủ tục mở, đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp được thực hiện theo quy định của ngân hàng được phép.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh chỉ được thực hiện các giao dịch thu chi trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp mới mở sau khi đã đóng và tất toán tài khoản vốn đầu tư trực tiếp đã mở trước đây.

Điều 7. Sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ

Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp sau đây:

1. Các giao dịch thu:

a) Thu tiền góp vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

b) Thu tiền rút vốn bằng ngoại tệ từ các khoản vay trong nước và nước ngoài ngắn, trung, dài hạn của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

c) Thu tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư;

d) Thu ngoại tệ từ tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài;

đ) Các khoản thu hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

2. Các giao dịch chi:

a) Chi trả tiền gốc, lãi, phí của các khoản vay trong nước và nước ngoài ngắn, trung, dài hạn bằng ngoại tệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

b) Chi chuyển ngoại tệ sang tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài;

c) Chi bán ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép để chuyển vào tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài;

- d) Chi chuyển tiền thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư;
- đ) Chi chuyển lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp bằng ngoại tệ từ hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài ra khỏi Việt Nam;
- e) Chi chuyển vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài ra khỏi Việt Nam trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư, giảm vốn đầu tư hoặc kết thúc, thanh lý, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;
- g) Các khoản chi hợp pháp khác bằng ngoại tệ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 8. Sử dụng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam

Tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam được sử dụng để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp sau đây:

1. Các giao dịch thu:

- a) Thu tiền góp vốn đầu tư trực tiếp bằng đồng Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;
- b) Thu lợi nhuận sau thuế được chia bằng đồng Việt Nam để thực hiện tái đầu tư tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;
- c) Thu tiền rút vốn từ các khoản vay trong nước ngắn, trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam;
- d) Thu tiền rút vốn từ các khoản vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được phép vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của pháp luật về vay trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;
- đ) Thu tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư;
- e) Thu chuyển khoản từ tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép.

2. Các giao dịch chi:

- a) Chi chuyển khoản sang tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng được phép;
- b) Chi chuyển lợi nhuận bằng đồng Việt Nam cho nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

c) Chi trả tiền gốc, lãi, phí của các khoản vay trong nước ngắn, trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam để thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

d) Chi trả tiền gốc, lãi, phí của các khoản vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được phép vay nước ngoài bằng đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của pháp luật về vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

đ) Chi chuyển tiền thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư;

e) Chi chuyển trả vốn đầu tư bằng đồng Việt Nam cho nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, chuyển nhượng vốn đầu tư và dự án đầu tư, giảm vốn đầu tư hoặc kết thúc, thanh lý và chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 9. Chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài

1. Nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài vốn đầu tư trực tiếp khi giải thể, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, giảm vốn đầu tư hoặc kết thúc, thanh lý, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư, tiền gốc, lãi và chi phí vay nước ngoài, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam thông qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, trừ một số trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và khoản 2, khoản 3 Điều 10 Thông tư này.

2. Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài phải đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp do giải thể, chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp hoặc do thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư làm thay đổi pháp nhân ban đầu của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ, tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam của mình mở tại ngân hàng được phép để thực hiện các giao dịch mua ngoại tệ, chuyển vốn đầu tư trực tiếp và nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài.

3. Nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng các nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam từ hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam để mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép và chuyển ra nước ngoài trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày mua được ngoại tệ.

Điều 10. Chuyển vốn cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư

1. Chuyển vốn đầu tư vào Việt Nam trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

a) Trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài được phép chuyển vốn đầu tư vào Việt Nam để đáp ứng các chi phí hợp pháp cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên liên quan và thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của mình mở tại ngân hàng được phép;

b) Nhà đầu tư nước ngoài được sử dụng các khoản vốn đầu tư đã chuyển vào Việt Nam quy định tại điểm a khoản này để đáp ứng các chi phí hợp pháp cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

2. Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

a) Sau khi được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư Việt Nam trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phải tất toán phần vốn đầu tư đã chuyển vào Việt Nam trước khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư;

b) Việc chuyển phần vốn của nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển vào Việt Nam để đáp ứng các khoản chi phí cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam thành vốn góp hoặc vốn vay nước ngoài được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên liên quan, đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, về hạch toán kế toán và các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp phần vốn nhà đầu tư nước ngoài chuyển vào Việt Nam đã sử dụng để đáp ứng các khoản chi phí chuẩn bị đầu tư được chuyển thành khoản vay nước ngoài trung, dài hạn của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện thủ tục đăng ký khoản vay nước ngoài trung, dài hạn nước ngoài theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước;

c) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không sử dụng hết phần vốn đầu tư đã chuyển vào Việt Nam để đáp ứng chi phí chuẩn bị đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài số vốn đầu tư còn lại bằng ngoại tệ hoặc được mua ngoại tệ để chuyển ra nước ngoài đối với số vốn đầu tư đã chuyển ra đồng Việt Nam nhưng không chi tiêu hết tại Việt Nam trên cơ sở xuất trình hồ sơ, chứng từ chứng minh về số vốn đầu tư đã chuyển vào và các khoản chi phí phát sinh cho dự án đầu tư tại Việt Nam. Việc chuyển vốn ra nước ngoài được thực hiện trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày mua được ngoại tệ.

3. Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài do không được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc do không tiếp tục thực hiện dự án đầu tư trực tiếp tại Việt Nam:

a) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển vốn đầu tư vào Việt Nam để đáp ứng các chi phí hợp pháp cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam nhưng không được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc không tiếp tục thực hiện dự án đầu tư trực tiếp tại Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài số vốn đầu tư đã chuyển vào Việt Nam và khoản tiền lãi không kỳ hạn phát sinh (nếu có) sau khi trừ đi các chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động chuẩn bị đầu tư trực tiếp tại Việt Nam trên cơ sở xuất trình các chứng từ hợp lệ chứng minh về khoản vốn đầu tư đã chuyển vào Việt Nam và các khoản chi hợp pháp phát sinh liên quan đến việc chuẩn bị dự án đầu tư tại Việt Nam;

b) Nhà đầu tư nước ngoài được mua ngoại tệ và chuyển ra nước ngoài đối với số vốn đầu tư đã chuyển ra đồng Việt Nam nhưng không chi tiêu hết tại Việt Nam trên cơ sở xuất trình hồ sơ,

chứng từ chứng minh về số vốn đầu tư đã chuyển vào và các khoản chi phí phát sinh cho dự án đầu tư tại Việt Nam; việc chuyển vốn ra nước ngoài được thực hiện trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày mua được ngoại tệ.

4. Việc chuyển số vốn đầu tư còn lại ra nước ngoài quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được thực hiện thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ mở tại ngân hàng được phép của nhà đầu tư nước ngoài đã sử dụng để chuyển vốn đầu tư vào Việt Nam quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 11. Thực hiện đầu tư trực tiếp dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần

Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư trực tiếp vào Việt Nam dưới hình thức mua cổ phần hoặc góp vốn để tham gia quản lý hoạt động đầu tư tại Việt Nam thực hiện quy định về mở tài khoản như sau:

1. Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp này phải thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và tuân thủ các quy định tại Thông tư này.

2. Các trường hợp khác ngoài trường hợp quy định tại điểm a khoản này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-NHNN ngày 12/3/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Chương III

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC PHÉP, DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức tín dụng được phép

1. Khi thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp và thực hiện các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam cho doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức tín dụng được phép có quyền yêu cầu doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài xuất trình các tài liệu, chứng từ liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.

2. Khi thực hiện các giao dịch thu chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài về các thủ tục liên quan đến việc mở, đóng tài khoản vốn đầu tư trực tiếp;

b) Quy định, kiểm tra, lưu giữ các chứng từ phù hợp với các giao dịch thu chi trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp của nhà đầu tư nước ngoài để đảm bảo các giao dịch thu, chi được thực hiện

đúng quy định tại Thông tư này và phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam;

c) Bán ngoại tệ cho nhà đầu tư nước ngoài để chuyển ra nước ngoài trên cơ sở tự cân đối nguồn ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài được phép thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam.

2. Khi thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài có trách nhiệm:

a) Kê khai nội dung giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam theo yêu cầu và hướng dẫn của tổ chức tín dụng được phép;

b) Xuất trình, bổ sung các hồ sơ, tài liệu, chứng từ theo yêu cầu của tổ chức tín dụng được phép.

Chương IV

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 14. Chế độ báo cáo đối với tổ chức tín dụng được phép

Các tổ chức tín dụng được phép thực hiện báo cáo Ngân hàng Nhà nước về tình hình hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê.

Điều 15. Yêu cầu báo cáo đột xuất

Các trường hợp đột xuất hoặc khi cần thiết, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tổ chức tín dụng được phép thực hiện báo cáo các nội dung liên quan theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Chương V

CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát

1. Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát tình hình chấp hành quy định về quản lý ngoại

hồi liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức tín dụng được phép theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu cần thiết để việc thanh tra, kiểm tra và giám sát được thực hiện kịp thời, hiệu quả.

Điều 17. Xử lý vi phạm

Trường hợp vi phạm các quy định tại Thông tư này, tùy theo mức độ vi phạm, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức tín dụng được phép sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2014.
2. Bãi bỏ Điều 9 Thông tư số 05/2014/TT-NHNN ngày 12/3/2014 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản vốn đầu tư gián tiếp để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh có trách nhiệm thực hiện việc chuyển đổi tài khoản tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ sang tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ.

Việc chuyển đổi sang tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh được thực hiện trong vòng 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Tổ chức tín dụng được phép có trách nhiệm thực hiện việc chuyển đổi tài khoản vốn đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ quy định tại khoản 1 Điều này cho doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh.

3. Sau 06 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh không được sử dụng tài khoản tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ để thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam.

Điều 20. Tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

Nơi nhận:

- Như Điều 20;
- BLD NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu VP, QLNH, PC.

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**

Lê Minh Hưng